

THƯ MỜI BÁO GIÁ

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam.

Bệnh viện Ung bướu có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá mua: Máy xét nghiệm miễn dịch tự động của Bệnh viện Ung bướu tỉnh Bắc Giang. Các nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị mời báo giá

- Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Ung bướu tỉnh Bắc Giang.
- Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:
 - Ông Thế Huy.
 - Chức vụ: Trưởng phòng Vật tư – TBYT.
 - Điện thoại: 0868 389 555.
 - Email: thehuyyen@gmail.com.
- Cách thức tiếp nhận báo giá:

Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Phòng Vật tư – TBYT, Bệnh viện Ung bướu tỉnh Bắc Giang, xã Tân Mỹ, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 08h00p ngày 02 tháng 7 năm 2024 đến trước 16h30p ngày 15 tháng 7 năm 2024.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 120 ngày, kể từ ngày 15 tháng 7 năm 2024.

II. Nội dung mời báo giá:

- Danh mục trang thiết bị: tại Phụ lục kèm theo.
- Địa điểm cung cấp, lắp đặt; các yêu cầu về vận chuyển, cung cấp, lắp đặt, bảo quản thiết bị y tế:
 - Khoa Xét nghiệm.
 - Hàng khi giao hàng phải còn nguyên đai, nguyên kiện, còn nguyên niêm phong của hãng sản xuất, không có hiện tượng trầy xước, vỡ, ẩm ướt...
 - Mô tả cụ thể tại Phụ lục kèm theo.
 - Các đơn vị thực hiện báo giá theo mẫu kèm theo.

3. Thời gian giao hàng dự kiến: Trong vòng 90 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng: xác định trong nội dung Hồ sơ mời thầu.

5. Các thông tin khác (nếu có): Không.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, HSMS.

 **GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Danh Song

PHỤ LỤC: BẢNG MÔ TẢ CHI TIẾT CẤU HÌNH, THÔNG SỐ KỸ THUẬT MÁY XÉT NGHIỆM MIỄN DỊCH TỰ ĐỘNG
(Kèm theo thư mời báo giá số 69 /TM – BVUB ngày 28/6/2024)

STT	
	I. YÊU CẦU CHUNG: - Số lượng: 01 chiếc - Thiết bị mới 100%. - Sản xuất từ năm 2023 trở về sau. - Nguồn điện sử dụng: 220/380 V, 50 Hz - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc đương - Môi trường hoạt động: + Nhiệt độ: Từ 20°C đến 40°C. + Độ ẩm: Từ 15% đến 80%. - Xuất xứ: máy chính có xuất xứ tại một trong các nước thuộc nhóm G7; Liên minh Châu Âu EU. - Bảo hành ≥ 12 tháng kể từ ngày ký biên bản bàn giao, nghiệm thu đưa thiết bị vào hoạt động. - Bàn giao, lắp đặt hướng dẫn sử dụng tại khoa sử dụng của bệnh viện Ung bướu tỉnh Bắc Giang.
	II. CẤU HÌNH CUNG CẤP Máy chính và bộ phụ kiện tiêu chuẩn: 01 bộ Máy tính: 01 bộ Máy in: 01 chiếc Bộ lưu điện: 01 bộ Bộ hóa chất chạy thử: 01 bộ (tối thiểu bao gồm: FT4, T3, TSH: ≥ 100 xét nghiệm mỗi loại)
	III. Thông số kỹ thuật
	- Máy chính: + Chung loại: Máy xét nghiệm miễn dịch tự động, truy cập ngẫu nhiên, có khả năng chạy xét nghiệm cấp cứu. + Nguyên lý xét nghiệm hóa phát quang hoặc điện hóa phát quang. + Tốc độ: ≥ 400 xét nghiệm/giờ
	- Bộ phận xử lý mẫu: + Có khả năng nạp ≥ 120 ống mẫu đồng thời, nạp mẫu liên tục, giải phóng ống mẫu ngay sau khi chia mẫu. + Có chức năng tự động chạy xét nghiệm tham chiếu mà không cần tìm lại ống

	mẫu đầu. + Các loại mẫu xét nghiệm, tối thiểu gồm: huyết thanh, huyết tương, nước tiểu, nước ối và máu toàn phần. + Kim hút mẫu có khả năng phát hiện tắc + Nhận dạng mẫu thử: bằng barcode hoặc tương đương + Thể tích hút mẫu: Tối thiểu $\leq 5 \mu\text{L}$; Tối đa $\leq 210 \mu\text{L}$
	- Bộ phận xử lý hóa chất: + Có khả năng nạp hóa chất và thay thế các vật tư tiêu hao liên tục khi máy đang vận hành. + Kim hút hóa chất có khả năng phát hiện tắc + Số lượng kim hút hóa chất: ≥ 4 cái + Có ≥ 50 vị trí đặt hóa chất được bảo quản ở nhiệt độ 4 độ C đến 10 độ C hoặc tốt hơn + Có khả năng tự động vứt bỏ các pack hóa chất đã sử dụng hết. + Quản lý hóa chất: bằng mã vạch hoặc tương đương + Hỗ trợ nhiều loại mã barcode, tối thiểu gồm: Code 39; Code 93; Code 128; Interleaved 2 of 5; Codabar. + Có hệ thống mã vạch tự động kiểm tra được, tối thiểu gồm: Số lượng xét nghiệm; Số xét nghiệm còn lại; Ngày hết hạn; Số lô; Hạn của hiệu chuẩn
	- Bộ phận phản ứng: + Nhiệt độ buồng ủ, rửa và đọc: $37 \text{ độ C} \pm 0,5 \text{ độ C}$ + Số vị trí giếng phản ứng trong buồng ủ: ≥ 250
	- Hiệu chuẩn (Calibration): + Độ ổn định đường chuẩn lên tới ≥ 56 ngày (tùy thuộc xét nghiệm) + Đường cong chuẩn và các thông số được hiển thị trên màn hình và bản in
	- Kiểm tra chất lượng (Quality control): Tuân theo các nguyên tắc tối thiểu: luật westgard, đồ thị Levey-jennings
	- Phần mềm: + Điều khiển, hiển thị bằng phần mềm qua hệ thống máy tính + Hệ điều hành: window hoặc tương đương + Các phương thức kết nối, tối thiểu gồm: Kết nối một chiều, hai chiều, hai chiều qua giao tiếp Host Query, cổng RS-232C. + Khả năng lưu trữ: ≥ 200.000 kết quả xét nghiệm; ≥ 100.000 mã ID bệnh phẩm ≥ 100 lô chuẩn; ≥ 1400 đường chuẩn

	≥ 40.000 điểm dữ liệu QC + An toàn: Có phương pháp chống nhiễm chéo + Cảnh báo: Có các cờ cảnh báo lỗi
	- Danh mục xét nghiệm tối thiểu gồm: + Bệnh thiếu máu: EPO, Ferritin, Folate, RBC Folate, Intrinsic Factor Ab, Soluble Transferrin Receptor, Vitamin B12. + Tim mạch: Troponin I, CK-MB, Digoxin, Myoglobin, BNP. + Sinh sản: AMH, AFP, DHEA-S, Estradiol, FSH, LH, Inhibin A, PAPP-A, Progesterone, Prolactin, SHBG, Testosterone, Total βhCG, Unconjugated Estriol (uE3). + Chuyển hóa xương: PTH, Ostease, GH, 25 (OH) Vitamin D total. + Tuyến giáp: Free T3, Free T4, TSH, Thyroglobulin, Thyroglobulin Antibody, Thyroid Uptake, Total T3, Total T4, TPOAb. + Chỉ thị ung thư: AFP, CEA, CA 15-3, CA 19-9, CA 125, PSA, free PSA, p2PSA. + Bệnh truyền nhiễm: CMV IgG, CMV IgM, Rubella IgG, Rubella IgM, Toxo IgG, Toxo IgM. + Virut máu: HAV Ab, HAV IgM, HBc Ab, HBc IgM, HBs Ab, HBs Ag, HBs Ag Confirmatory, HCV Ab, HIV com. + Tuyến yên và tuyến thượng thận: Cortisol. + Tiêu đường: Insulin. + Nhiễm trùng huyết: PCT.
	- Máy tính: + CPU: Intel Pentium hoặc tốt hơn + RAM: ≥ 2 GB + Ổ cứng: ≥ 128 GB + Màn hình: ≥ 17 inch + Chuột, bàn phím: 01 bộ
	- Máy in: + Tốc độ: ≥ 12 trang/phút. + Độ phân giải: ≥ 600 x 600 dpi + Khổ giấy: A4
	- Bộ lưu điện: + Chung loại: Online. + Công suất: ≥ 3 KVA

